

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	14 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (tên cũ là Công ty Cổ phần Đại Châu) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101030402 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 21 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ 21 ngày 17 tháng 11 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 347.730.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tổ 23, Cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (04) 3719 4353
Fax : (04) 3718 3635
E-mail : daichaujsc@yahoo.com
Mã số thuế : 0 1 0 1 0 3 0 4 0 2

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Nhựa tổng hợp.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn phân bón;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh mặt hàng ắc quy các loại;
- Kinh doanh mì ăn liền và rau quả, thực phẩm; Sản xuất, chế biến, mua bán hàng nông sản;
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô; Vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, Vận chuyển khách bằng taxi, vận chuyển khách theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch, vận tải hàng;
- Sản xuất, mua bán các mặt hàng cao su và sản phẩm làm từ cao su;
- Kinh doanh ô tô và linh phụ kiện thay thế; Lắp ráp, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm cho người lao động;
- Buôn bán thiết bị máy móc, vật tư ngành khoáng sản;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất chế biến lâm sản;
- Môi giới bất động sản (trừ đất đai);
- Xây dựng dân dụng, giao thông;
- Kinh doanh khách sạn; Dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

Trong năm, Công ty thực hiện trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2010, như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	1.507.349.066
Trích lập Quỹ Dự phòng tài chính	452.204.720
Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	452.204.720
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	12.730.000.000
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị	62.000.000
Cộng	<u><u>15.203.758.506</u></u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đường Đức Hóa	Chủ tịch
Bà Trần Thị Ánh Nguyệt	Ủy viên
Bà Đặng Thanh Nga	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Năng	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Dũng	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đường Lan Phương	Trưởng ban
Bà Vũ Hải Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đường Đức Hóa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Năng	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Đường Đức Hóa

Ngày ... tháng 3 năm 2012

Số: .../2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày ... tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cũng đã được chúng tôi kiểm toán. Chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 149/2011/BCTC-KTTV-KT3 ngày 30 tháng 3 năm 2011 có dạng ý kiến giới hạn về phạm vi kiểm toán liên quan đến các vấn đề sau: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng, Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa và Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO đang được Công ty trích lập theo giá trị vốn góp thực tế của Công ty và tổng số vốn đầu tư của chủ sở hữu thực có của các Công ty này trên cơ sở nguồn số liệu là Báo cáo tài chính năm 2010 chưa được kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng (Công ty liên kết) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá gốc của khoản đầu tư là 50.000.000.000 VND và Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa (Công ty liên kết) với giá gốc của khoản đầu tư là 31.000.000.000 VND đang được Công ty trích lập theo giá trị vốn góp thực tế của Công ty và tổng số vốn đầu tư của chủ sở hữu thực có của các Công ty này trên cơ sở nguồn số liệu là Báo cáo tài chính năm 2011 chưa được kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2011

Bùi Hoàng Phương

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1441/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		320,114,288,921	143,967,711,040
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,048,957,982	6,397,016,990
1. Tiền	111		3,048,957,982	6,397,016,990
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		52,556,900,000	41,936,900,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	52,556,900,000	41,936,900,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93,335,882,514	36,606,504,911
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	62,664,546,894	9,514,641,624
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	33,991,878,632	29,350,189,906
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	9,120,000	308,535,796
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(3,329,663,012)	(2,566,862,415)
IV. Hàng tồn kho	140		25,751,687,579	40,126,572,273
1. Hàng tồn kho	141	V.7	25,798,142,438	41,042,681,055
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(46,454,859)	(916,108,782)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		145,420,860,846	18,900,716,866
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13,077,978,430	2,897,055,348
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	132,342,882,416	16,003,661,518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204,268,734,088	199,905,414,525
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		94,292,076,701	70,852,197,713
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	59,256,023,836	35,589,765,796
<i>Nguyên giá</i>	222		80,433,866,220	51,701,610,808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21,177,842,384)	(16,111,845,012)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	35,036,052,865	35,262,431,917
<i>Nguyên giá</i>	228		35,931,674,958	35,931,674,958
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(895,622,093)	(669,243,041)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	27,768,000,000	27,768,000,000
<i>Nguyên giá</i>	241		27,768,000,000	27,768,000,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80,898,350,107	99,351,288,432
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	79,898,350,107	98,351,288,432
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	1,000,000,000	1,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,310,307,280	1,933,928,380
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	925,486,304	1,549,107,404
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		384,820,976	384,820,976
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		524,383,023,009	343,873,125,565

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		134,115,928,557	138,582,365,605
I. Nợ ngắn hạn	310		96,908,262,339	104,240,354,373
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	71,327,115,812	79,766,415,764
2. Phải trả người bán	312	V.17	411,527,271	11,993,613,575
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	11,502,600,000	4,087,651,233
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	11,527,967,819	6,293,509,234
5. Phải trả người lao động	315		647,086,462	-
6. Chi phí phải trả	316	V.20	781,268,765	550,986,378
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	147,635,217	1,168,298,868
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	563,060,993	379,879,321
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37,207,666,218	34,342,011,232
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	200,771,600
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	37,198,525,818	30,509,231,651
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9,140,400	9,140,400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	3,622,867,581
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		385,749,626,568	199,176,115,880
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	385,749,626,568	199,176,115,880
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		347,730,000,000	163,752,780,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29,624,176,600	29,695,595,500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(12,503,010,000)	(12,503,010,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,991,017,911	1,483,668,845
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		688,205,141	236,000,421
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17,219,236,916	16,511,081,114
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.25	4,517,467,884	6,114,644,080

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

440

524,383,023,009

343,873,125,565

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	425,439,172,312	318,793,488,937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		425,439,172,312	318,793,488,937
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	391,281,809,388	277,209,957,120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34,157,362,924	41,583,531,817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12,792,064,418	2,317,239,266
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21,643,693,388	10,809,471,378
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18,906,131,106	8,422,215,321
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3,104,155,966	1,478,859,935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,433,196,504	7,778,246,117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,768,381,484	23,834,193,653
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,493,696,804	1,342,277,297
12. Chi phí khác	32	VI.8	282,996,585	1,193,135,894
13. Lợi nhuận khác	40		3,210,700,219	149,141,403
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	1,047,061,675	(2,148,711,568)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,026,143,378	21,834,623,488
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,711,405,266	5,238,262,248
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14,314,738,112</u>	<u>16,596,361,240</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1,597,176,196)	670,431,268
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		15,911,914,308	15,925,929,972
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>827</u>	<u>979</u>

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Dặng Thanh Nga

Đường Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,026,143,378	21,834,623,488
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,292,376,424	5,340,875,442
- Các khoản dự phòng	03		(106,853,326)	1,310,350,422
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		702,322,751	791,857,672
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13,347,625,372)	(2,181,035,796)
- Chi phí lãi vay	06		18,906,131,106	8,422,215,321
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27,472,494,961	35,518,886,549
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(168,245,621,554)	(20,010,473,015)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15,244,538,617	(2,593,959,900)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5,945,924,742)	7,604,700,656
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		623,621,100	(1,542,475,897)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18,833,711,227)	(8,137,299,496)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(117,556,416)	(4,467,734,734)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	429,695,034
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(531,794,648)	(751,986,284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(150,333,953,909)	6,049,352,913
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(42,853,620,567)	(72,769,438,636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37,870,000,000)	(100,836,900,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27,250,000,000	62,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(18,000,000,000)	(101,050,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		43,875,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,925,563,697	1,923,500,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21,673,056,870)	(210,732,838,636)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- 3. Hoạt động chính trong năm** : Sản xuất, lắp đặt các loại sản phẩm đồ gỗ; Kinh doanh ô tô; xe máy; Kinh doanh mũ cao su các loại./.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 59 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 116 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Là các chi phí cải tạo, làm nội thất văn phòng thuê tại tòa nhà 59 Quang Trung được tập hợp theo số thực tế phát sinh đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 36 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	3%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	997.362.680	3.130.528.597
Tiền gửi ngân hàng	500.119.544	788.513.107
Cộng	<u>1.497.482.224</u>	<u>3.919.041.704</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Là các khoản cho vay ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần DC Phú Hà vay với lãi suất 0,8%/tháng, thời gian vay là 12 tháng	8.500.000.000	
Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa vay với lãi suất 10%/năm, thời gian vay là 12 tháng	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa vay với lãi suất 2%/tháng thời gian vay là 9 tháng	250.000.000	
Ông Nguyễn Thanh Trí vay với lãi suất 1,5%/tháng, thời gian vay là 12 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Nguyễn Kim Tuấn vay với lãi suất 1,7%/tháng, thời gian vay là 12 tháng	1.500.000.000	
Ông Đường Đức Hoá vay với lãi suất 0,8%/tháng thời gian vay là 6 tháng	5.000.000.000	
Ông Đường Đức Hoá vay với lãi suất 0,8%/tháng thời gian vay là 9 tháng	4.300.000.000	
Cộng	<u>54.550.000.000</u>	<u>35.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	58.319.095.544	5.463.473.524
Khách hàng nước ngoài	506.220.340	894.380.244
Cộng	<u>58.825.315.884</u>	<u>6.357.853.768</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước (*)	16.999.988.900	16.688.058.807
Nhà cung cấp nước ngoài	16.991.889.732	12.662.131.099
Cộng	<u>33.991.878.632</u>	<u>29.350.189.906</u>

(*) Tại ngày 31/12/2011, Công ty đã ứng trước cho các cá nhân số tiền 16.214.599.000 VND để mua quyền sử dụng 4.848,5 m² đất thương phẩm thuộc dự án khu biệt thự, nhà vườn, dịch vụ giải trí và du lịch Quang Minh tại xã Quang Minh (Mê Linh, Vĩnh Phúc) do Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Long Việt làm chủ đầu tư. Số còn phải thanh toán theo các hợp đồng là 1.800.000.000 VND. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu các khoản cho vay		198.888.889
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần DC Phú Hà		1.171.800.000
Cộng		1.370.688.889

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	471.952.496	263.143.500
Trích lập dự phòng bổ sung	118.175.296	208.808.996
Hoàn nhập dự phòng	(253.193.236)	
Số cuối năm	336.934.556	471.952.496

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	9.047.500.000	7.980.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	6.241.261.421	12.319.241.663
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.561.678.917	10.834.971.793
Thành phẩm	1.085.522.415	1.899.346.906
Hàng hóa	1.862.179.685	8.009.120.693
Cộng	25.798.142.438	41.042.681.055

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành phẩm	(46.454.859)	(916.108.782)
Cộng	(46.454.859)	(916.108.782)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	916.108.782	1.909.477.275
Hoàn nhập dự phòng	(869.653.923)	(993.368.493)
Số cuối năm	46.454.859	916.108.782

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	132.342.882.416	15.207.300.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		16.361.518
Cộng	132.342.882.416	15.223.661.518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	8.706.042.605	26.467.511.004	1.557.533.333		330.888.593	37.061.975.535
Tăng do mua sắm mới trong năm		28.690.969.958		41.285.454		28.732.255.412
Giảm trong năm						
Số cuối năm	8.706.042.605	55.158.480.962	1.557.533.333	41.285.454	330.888.593	65.794.230.947
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	312.001.340	3.554.885.248			197.933.964	4.064.820.552
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.813.923.189	7.861.520.651	283.258.863		287.724.393	11.246.427.096
Tăng trong năm do trích khấu hao	672.933.629	2.399.470.401	219.691.668	3.922.119	21.160.735	3.317.178.552
Giảm trong năm						
Số cuối năm	3.486.856.818	10.260.991.052	502.950.531	3.922.119	308.885.128	14.563.605.648
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.892.119.416	18.605.990.353	1.274.274.470		43.164.200	25.815.548.439
Số cuối năm	5.219.185.787	44.897.489.910	1.054.582.802	37.363.335	22.003.465	51.230.625.299

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 55.613.706.751 VND và 45.079.593.049 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.000.000.000	10.493.400	25.010.493.400
Tăng trong năm			
Số cuối năm	25.000.000.000	10.493.400	25.010.493.400
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		6.328.003	6.328.003
Tăng trong năm do trích khấu hao		3.497.796	3.497.796
Số cuối năm		9.825.799	9.825.799
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.000.000.000	4.165.397	25.004.165.397
Số cuối năm	25.000.000.000	667.601	25.000.667.601

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách là 25.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tân Sơn Nhất.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư 27.768.000.000 VND là giá trị quyền sử dụng 3.386,6 m² đất tại khu cây đa tại Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây ăn quả lâu năm. Lô đất này được Công ty mua lại của cá nhân và Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Đường Đức Hóa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có thông tin để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần DC Phú Hà ⁽ⁱ⁾	1.674.000	16.740.000.000	1.674.000	16.740.000.000
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu ⁽ⁱⁱ⁾		4.000.000.000		4.000.000.000
Cộng		20.740.000.000		20.740.000.000

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500277451 thay đổi lần 1 ngày 27 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần DC Phú Hà là 16.740.000.000 VND, tương đương 55,8% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.674.000 cổ phiếu, tương đương 55,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần DC Phú Hà.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103428982 thay đổi lần 2 ngày 09 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu là 4.000.000.000 VND, tương đương 53,3% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 53,33% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa ⁽ⁱ⁾	3.200.000	31.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng ⁽ⁱⁱ⁾	500.000	50.000.000.000	500.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO ⁽ⁱⁱⁱ⁾				35.500.000.000
Cộng		81.000.000.000		100.500.000.000

(i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/10/HĐHTĐT ngày 12 tháng 3 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa. Nội dung của hợp đồng hợp tác đầu tư để khai thác mỏ Chi kềm, đầu tư nhà máy tuyển tinh quặng Chi kềm, nhà máy luyện kim loại Chi kềm, trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa 15.000.000.000 VND và 1.000.000.000 VND mua lại 200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa từ ông Nguyễn Mộng Hải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 31.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ (số đầu năm là 15.000.000.000 VND, tương đương 18,75% vốn điều lệ).

(ii) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty đã nhận chuyển nhượng lại 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng với giá mua là 50.000.000.000 VND, tương đương với 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phần, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100232660 ngày 23 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO 37.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã thanh lý khoản đầu tư tại Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO với giá trị chuyển nhượng là 43.875.000.000 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng	(1.101.649.893)	(1.686.392.956)
Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO		(462.318.612)
Công ty Cổ phần DC Phú Hà	(5.029.987.597)	
Cộng	(6.131.637.490)	(2.148.711.568)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.148.711.568	
Trích lập dự phòng bổ sung	5.029.987.597	2.148.711.568
Hoàn nhập dự phòng	(1.047.061.675)	
Số cuối năm	6.131.637.490	2.148.711.568

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí làm nội thất văn phòng 59 Quang Trung.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.504.643.768	
Phát sinh tăng		1.737.472.373
Phân bổ vào chi phí SXKD	(579.157.464)	(232.828.605)
Số cuối năm	<u>925.486.304</u>	<u>1.504.643.768</u>

18. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<u>62.978.070.548</u>	<u>74.530.084.148</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ⁽ⁱ⁾	31.388.676.250	39.261.124.148
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội		14.999.960.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽ⁱⁱ⁾	31.589.394.298	20.269.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> (xem thuyết minh số V.27)	<u>8.349.045.264</u>	<u>3.536.331.616</u>
Cộng	<u>71.327.115.812</u>	<u>78.066.415.764</u>

(i) Bao gồm 03 khoản vay: Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức 10.32.0038 ngày 20/10/2010, số tiền 9.050.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 11.32.0001 ngày 25/10/2011 số tiền 14.958.676.250 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại ô tô và cao su; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 11.46.0002 ngày 28/11/2011, số tiền 7.380.000.000 VND, để phục vụ kinh doanh mũ cao su và ô tô.

(ii) Bao gồm 03 khoản vay: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 120140/HDDTD2-VIB12/10 ngày 18/10/2010 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0120222/HDTD-VIBHBT/11 ngày 16/11/2011 để vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Khoản vay theo hợp đồng 120337/2011/004 ngày 16/12/2011; Số tiền vay: 4.800.000.000 VND, thời hạn vay 20 ngày; để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	74.530.084.148	3.536.331.616	78.066.415.764
Số tiền vay phát sinh	299.931.750.518		299.931.750.518
Kết chuyển từ vay dài hạn		8.343.295.264	8.343.295.264
Số tiền vay đã trả	(311.483.764.118)	(3.530.581.616)	(315.014.345.734)
Số cuối năm	<u>62.978.070.548</u>	<u>8.349.045.264</u>	<u>71.327.115.812</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	1.074.081.181	11.490.908.672
Nhà cung cấp nước ngoài		156.938.897
Cộng	<u>1.074.081.181</u>	<u>11.647.847.569</u>

21. Người mua trả tiền trước

Là các khoản người mua trong nước ứng trước tiền lắp đặt nội thất gỗ và mua ô tô.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		1.267.415.874	265.946.645	1.001.469.229
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2.866.937.696	2.866.937.696	
Thuế xuất, nhập khẩu	505.904.691	951.589.042	582.288.786	875.204.947
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.502.877.906	1.675.828.586		5.178.706.492
Thuế thu nhập cá nhân		32.773.140	4.574.908	28.198.232
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	
Cộng	<u>4.008.782.597</u>	<u>6.798.544.338</u>	<u>3.723.748.035</u>	<u>7.083.578.900</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa tiêu thụ trong nước	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.358.507.176	19.584.410.603
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Điều chỉnh tăng các khoản chi phí không hợp lệ		431.069.201
Điều chỉnh tăng các khoản phạt chậm nộp thuế	282.179.466	
Cổ tức, lợi nhuận được chia		(1.971.800.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(64.523.293)	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập tính thuế	9.576.163.349	18.043.679.804
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.394.040.837	4.510.919.951
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 154	(718.212.251)	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.675.828.586	4.510.919.951

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	399.688.074	327.268.195
Chi phí dịch vụ đã phát sinh		223.718.183
Chi phí thuê văn phòng Quang Trung quý 4/2011	381.580.691	
Cộng	781.268.765	550.986.378

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	135.098.868	135.098.868
Bảo hiểm xã hội	12.536.349	
Các khoản vay không tính lãi		700.000.000
Cộng	147.635.217	835.098.868

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	143.878.900			143.878.900
Quỹ phúc lợi	236.000.421	452.204.720	269.023.048	419.182.093
Cộng	379.879.321	452.204.720	269.023.048	563.060.993

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là các khoản vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ⁽ⁱ⁾	25.768.525.818	7.347.731.651
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất ⁽ⁱⁱ⁾	11.430.000.000	12.465.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt		496.500.000
Cộng	37.198.525.818	20.309.231.651

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Bao gồm 02 khoản vay:
- + Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 09.19.0020/HĐTD ngày 13/7/2009, thời hạn vay 66 tháng dùng để đầu tư dây chuyền chế biến đồ gỗ trang trí nội, ngoại thất và cải tạo nhà xưởng, Showroom bán hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai của dự án đầu tư.
 - + Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 11.32.0001/HĐTD ngày 16/6/2011, thời hạn vay: 66 tháng dùng để đầu tư dây chuyền sản xuất nhựa bao bì công suất 10.540 tấn/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án đầu tư dây chuyền sản xuất nhựa bao bì theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11.32.0001A/HĐTC ngày 16/6/2011, giá trị tài sản đảm bảo: 55.350.000.000VND
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tân Sơn Nhất theo hợp đồng tín dụng số 2102-LAW-201000 237 ngày 16 tháng 6 năm 2010 để bổ sung vốn thanh toán tiền mua 2 căn nhà tại 79 và 81 đường Trần Quốc Hoàn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh và số 81 đường Trần Quốc Hoàn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu hai tài sản hình thành từ vốn vay nêu trên.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống (xem thuyết minh V.19)	8.343.295.264	3.536.331.616
Trên 1 năm đến 5 năm	29.908.525.818	11.984.231.651
Trên 5 năm	7.290.000.000	8.325.000.000
Tổng nợ	<u>45.541.821.082</u>	<u>23.845.563.267</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	Cộng
Số đầu năm	7.347.731.651	12.465.000.000	20.309.231.651
Số tiền vay phát sinh	24.960.975.947		24.960.975.947
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	767.226.378		767.226.378
Số tiền vay đã trả		(496.500.000)	(496.500.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(7.308.295.264)	(1.035.000.000)	(8.343.295.264)
Số cuối năm	<u>25.768.525.818</u>	<u>11.430.000.000</u>	<u>37.198.525.818</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	27.244.780.000	1.440.000.000		697.000.775		8.452.570.054	37.834.350.829
Cổ đông góp vốn	136.508.000.000	28.405.595.500					164.913.595.500
- Góp bằng tiền	129.969.250.000	28.405.595.500					158.374.845.500
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.538.750.000					(6.538.750.000)	
Chi phí phát hành cổ phiếu		(150.000.000)					(150.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ			(3.010.000)				(3.010.000)
Lợi nhuận trong năm trước						15.073.490.652	15.073.490.652
Trích lập các quỹ trong năm trước				786.668.070	236.000.421	(1.258.668.912)	(236.000.421)
Thù lao hội đồng quản trị						(70.000.000)	(70.000.000)
Số dư cuối năm trước	163.752.780.000	29.695.595.500	(3.010.000)	1.483.668.845	236.000.421	15.658.641.794	210.823.676.560
Số dư đầu năm nay	163.752.780.000	29.695.595.500	(3.010.000)	1.483.668.845	236.000.421	15.658.641.794	210.823.676.560
Lợi nhuận trong kỳ này						7.682.678.590	7.682.678.590
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	171.247.220.000	(71.418.900)					171.175.801.100
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	12.730.000.000					(12.730.000.000)	
Trích lập các quỹ trong năm nay				1.507.349.066	452.204.720	(2.411.758.506)	(452.204.720)
Thù lao hội đồng quản trị						(62.000.000)	(62.000.000)
Số dư cuối năm nay	347.730.000.000	29.624.176.600	(3.010.000)	2.991.017.911	688.205.141	8.137.561.878	389.167.951.530

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	347.730.000.000	163.752.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	29.624.176.600	29.695.595.500
Cổ phiếu quỹ	(3.010.000)	(3.010.000)
Cộng	<u>377.351.166.600</u>	<u>193.445.365.500</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu (tỷ lệ 3,8% vốn điều lệ)	12.730.000.000	6.538.750.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.730.000	16.375.278
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.730.000	16.375.278
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	301	301
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.729.699	16.374.977

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	385.518.719.099	265.804.569.648
Doanh thu bán thành phẩm	28.443.447.764	30.216.041.674
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.000.000	2.254.545.454
Cộng	<u>414.112.166.863</u>	<u>298.275.156.776</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	365.989.492.457	241.662.768.434
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	19.034.576.642	25.551.829.229
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(869.653.923)	(993.368.493)
Cộng	<u>384.154.415.176</u>	<u>266.221.229.170</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.573.777.778	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	111.871.872	65.078.175
Lãi tiền cho vay	4.565.711.112	2.096.098.089

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.971.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	367.092.646	46.799.754
Lãi chuyển nhượng vốn góp	6.375.000.000	
Cộng	12.993.453.408	4.179.776.018
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	18.355.128.480	6.447.549.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	702.703.085	791.857.672
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.025.515.797	1.595.240.440
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	3.982.925.922	2.148.711.568
Cộng	25.066.273.284	10.983.359.303
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	271.242.185	33.735.000
Chi phí bảo hành		189.672.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.794.300.538	1.156.755.484
Chi phí bằng tiền khác	38.613.243	98.696.724
Cộng	3.104.155.966	1.478.859.935
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.446.310.192	724.842.032
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		1.819.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.072.730	83.968.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.911.343	525.239.199
Thuế, phí và lệ phí	778.631.791	465.228.253
Chi phí dự phòng	38.318.680	208.808.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.899.417.746	1.664.141.241
Chi phí bằng tiền khác	821.340.400	956.544.889
Cộng	8.626.002.882	4.630.592.240
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi do đánh giá lại tài sản cố định đưa đi góp vốn		295.454.545
Thuế nhập khẩu được hoàn	3.403.594.384	593.316.575
Thu nhập do điều chỉnh thuế các năm trước		78.175.575
Xử lý thừa do kiểm kê hàng tồn kho	80.328.549	
Thu khác	2.807.865	20.474.200
Cộng	3.486.730.798	987.420.895

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng		73.855.945
Phạt do chậm nộp thuế	282.179.466	431.069.201
Xử lý công nợ không thu hồi được		
Các khoản khác	817.119	38.977.292
Cộng	<u>282.996.585</u>	<u>543.902.438</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	12.730.000.000	6.538.750.000
Góp vốn vào Công ty liên kết bằng tài sản		450.000.000
Góp vốn vào Công ty liên kết bằng bù trừ công nợ	1.900.000.000	
Cộng	<u>14.630.000.000</u>	<u>6.988.750.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng	45.000.000.000	15.000.000.000
Cho Công ty vay không tính lãi		9.509.891.000
Công ty thanh toán tiền gốc vay		13.581.360.000
Vay tiền công ty	9.300.000.000	
Công ty cung cấp lắp đặt nội thất gỗ	3.217.710.450	
Ban kiểm soát		
Tạm ứng	10.000.000.000	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	72.443.481.495	15.000.000.000
Ban kiểm soát	10.000.000.000	
Cộng nợ phải thu	<u>82.443.481.495</u>	<u>15.000.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng thu nhập	429.629.445	257.110.580

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần DC Phú Hà	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần DC Phú Hà		
Bán hàng hóa cho Công ty Phú Hà	14.402.888.174	24.990.909.091
Thuế GTGT của hàng hóa	1.440.288.822	2.499.090.909
Doanh thu phí điều hành	150.000.000	2.254.545.455
Lãi tiền cho vay phải thu	528.000.000	428.909.200
Cổ tức được chia		1.171.800.000
Góp vốn điều lệ		4.000.000.000
Cho Công ty Phú Hà vay tiền	11.000.000.000	
Thu hồi tiền cho vay	2.500.000.000	1.700.000.000
Thu lãi tiền cho vay	252.266.667	
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu		
Góp vốn điều lệ		2.500.000.000
Doanh thu phí điều hành	68.181.818	
Lợi nhuận được chia		800.000.000
Thu tiền phí điều hành	75.000.000	
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa		
Doanh thu bán hàng hóa	1.727.272.728	
Góp vốn, trong đó:	16.000.000.000	15.000.000.000
<i>Bằng tiền mặt</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>11.600.000.000</i>
<i>Bằng tiền gửi ngân hàng</i>	<i>13.100.000.000</i>	<i>2.950.000.000</i>
<i>Tài sản cố định</i>		<i>450.000.000</i>
<i>Bù trừ công nợ</i>	<i>1.900.000.000</i>	
Cho vay ngắn hạn	250.000.000	30.000.000.000
Lãi cho vay phải thu	2.275.000.000	198.888.889
Lãi cho vay đã thu	965.555.556	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần DC Phú Hà		
Phải thu tiền bán hàng hóa	12.761.176.996	1.171.800.000
Tiền cho vay	3.733.176.996	
Lãi cho vay	8.500.000.000	
Cổ tức phải thu	528.000.000	1.171.800.000
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa		
Cho vay ngắn hạn	32.525.000.000	30.198.888.889
Lãi cho vay ngắn hạn	30.250.000.000	30.000.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	2.275.000.000	198.888.889
Cộng nợ phải thu	45.286.176.996	31.370.688.889

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất đồ gỗ.
- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh ô tô, mũ cao su.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	385.518.719.099	28.593.447.764		414.112.166.863
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	385.518.719.099	28.593.447.764		414.112.166.863
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.398.880.565	9.558.871.122		29.957.751.687
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.730.158.848)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				18.227.592.839
Doanh thu hoạt động tài chính				12.993.453.408
Chi phí tài chính				(25.651.016.347)
Thu nhập khác				3.486.730.798
Chi phí khác				(282.996.585)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.660.969.787)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.112.794.326

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.909.679.685	82.036.353.434		92.946.033.119
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				425.932.357.639
Tổng tài sản				518.878.390.758
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	307.693.490	8.665.575.420		8.973.268.910
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	26.309.253.680	36.668.816.868		62.978.070.548
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				58.328.984.034
Tổng nợ phải trả				130.280.323.492

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Công ty thuê nhà xưởng có diện tích 5.297 m² để xây dựng nhà máy sản xuất gỗ tại tổ 23, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội với thời gian 20 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2001. Giá thuê của hợp đồng là 12.000.000 VND/tháng.

Công ty thuê văn phòng tại tòa nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội theo hợp đồng thuê văn phòng số 987/HĐTVP-HACC1 ngày 14 tháng 7 năm 2010. Thời hạn của hợp đồng là 05 năm với giá thuê là 6.716,25 USD/tháng

Công ty thuê phần sân để chứa gỗ với diện tích 5.700m² trên khu đất 14.233 m² thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần DC Phú Hà (Công ty con) tại khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội theo hợp đồng số 2106/2011/HDTNX ngày 21 tháng 06 năm 2011. Thời hạn của hợp đồng là 02 năm kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 với giá thuê 66.000 VND/m²/tháng, tương ứng 376.200.000 VND/tháng.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.497.482.224	3.919.041.704	1.497.482.224	3.919.041.704
Phải thu khách hàng	58.488.381.328	5.885.901.272	58.488.381.328	5.885.901.272
Các khoản cho vay	54.550.000.000	35.000.000.000	54.550.000.000	35.000.000.000
Các khoản phải thu khác	132.727.703.392	16.979.171.383	132.727.703.392	16.979.171.383
Cộng	247.263.566.944	61.784.114.359	247.263.566.944	61.784.114.359
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.074.081.181	11.647.847.569	1.074.081.181	11.647.847.569
Vay và nợ	108.525.641.630	98.375.647.415	108.525.641.630	98.375.647.415
Các khoản phải trả khác	1.546.219.587	1.395.225.646	1.546.219.587	1.395.225.646
Cộng	111.145.942.398	111.418.720.630	111.145.942.398	111.418.720.630

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
Máy móc thiết bị	45.079.593.049	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Quyền sử dụng đất	25.000.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng	70.079.593.049	
Số đầu năm		
Máy móc thiết bị	19.880.264.823	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Quyền sử dụng đất	25.000.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng	44.880.264.823	

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	1.074.081.181			1.074.081.181
Vay và nợ	71.327.115.812	29.908.525.818	7.290.000.000	108.525.641.630
Các khoản phải trả khác	1.537.079.187	9.140.400		1.546.219.587
Cộng	73.938.276.180	29.917.666.218	7.290.000.000	111.145.942.398

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	11.647.847.569			
Vay và nợ	78.066.415.764	11.984.231.651	8.325.000.000	98.375.647.415
Các khoản phải trả khác	1.386.085.246	9.140.400		1.395.225.646
Cộng	91.100.348.579	11.993.372.051	8.325.000.000	111.418.720.630

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
Ảnh hưởng của việc tăng tỷ giá	+ 2	(488.293.234)
Ảnh hưởng của việc giảm tỷ giá	- 2	488.293.234
Năm trước		
Ảnh hưởng của việc tăng tỷ giá	+ 2	(169.878.119)
Ảnh hưởng của việc giảm tỷ giá	- 2	169.878.119

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
Ảnh hưởng của việc tăng lãi suất	+ 2	(1.627.884.624)
Ảnh hưởng của việc giảm lãi suất	- 2	1.627.884.624
Năm trước		
Ảnh hưởng của việc tăng lãi suất	+ 2	(1.475.634.711)
Ảnh hưởng của việc giảm lãi suất	- 2	1.475.634.711

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày ... tháng 3 năm 2012
Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hóa